

Bản án số: 138/2025/HS-ST
Ngày: 20 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trương Hiền

2. Bà Đào Thị Kim Loan

3. Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Kiên G (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 08/11/1981 tại Phường R, tỉnh A; Nơi cư trú: Số 21/20, đường PNL, phường R, tỉnh A; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Phước S và bà Nguyễn Thị Diệp T; anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ Nguyễn Phương T (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh AG (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Chiêm Duy M - Văn phòng luật sư Phạm Văn C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A.

- *Người bị hại:*

1. Ông **Tạ Văn K**, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp K, xã A, tỉnh A.

2. Ông **Diệp Tấn T**, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: C1-25, TKD, phường R, tỉnh A.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Tạ Ngọc Y**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp X, xã T, tỉnh A.

2. Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: P30-5 đường 3/2, phường R, tỉnh A.

3. Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp X, xã T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do việc kinh doanh thua lỗ, Trần Kiên G nảy sinh ý định lên mạng xã hội facebook tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và thuê xe ô tô của người khác, sau đó đã làm giả giấy chứng nhận quyền sở hữu xe đem thế chấp cho người khác lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng cuối năm 2020, thông qua mạng xã hội facebook G đưa thông tin cho 01 người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, có số 395821 thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 75, diện tích: 177,3m², tọa lạc tại L, phường V, thành phố R, tỉnh (nay là phường R, tỉnh A) do Nguyễn Huỳnh C đứng tên, với giá 1.000.000 đồng. Xong, G đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến gặp Tạ Văn K tại Tổ 2, ấp K, xã H, huyện A, tỉnh K (nay là xã A, tỉnh A) để thế chấp cho K với giá 550.000.000 đồng. Khi thế chấp, G cho K biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là của G, K đồng ý nhận thế chấp, với lãi suất 5.500.000 đồng/tháng và G ký Biên nhận nợ, đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho K giữ lấy tiền tiêu xài và trả nợ.

Lần thứ 2: Khoảng đầu năm 2022, G đến Công ty dịch vụ cho thuê xe ô tô CT tại thành phố R, K (nay là phường R, tỉnh A) gặp và nói dối với Diệp Tấn T cần thuê xe ô tô 05 chỗ để làm phương tiện đi lại. Tin thật, T đồng ý và hợp tác với Nguyễn Minh D cho G thuê xe ô tô nhãn hiệu xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Hyundai Accent, màu trắng, biển số 68A - 170.20 do Dũng đứng tên chủ sở hữu

xe, với giá 500.000đồng/ngày. Để T tin tưởng, G thuê xe vài ngày, rồi trả lại xe và tiền thuê xe cho T đầy đủ. Đồng thời, G cung cấp Căn cước công dân của G, ảnh chụp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 68A - 170.20 cho 01 người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) thông qua mạng facebook để làm giả Giấy đăng ký mang tên Trần Kiên G với giá 1.000.000đồng. Xong, G tiếp tục đến gặp và nói dối với T cần thuê lại xe ô tô biển số 68A - 170.20 để làm phương tiện đi lại. Tin thật, T tiếp tục hợp tác với D cho G thuê xe trên, với giá 15.000.000 đồng/tháng. Sau khi nhận xe, G đem xe cùng với giấy đăng ký xe làm giả đến cầm cho Tạ Ngọc Y tại Tổ 9, ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K (nay xã T, tỉnh A), với giá 200.000.000đồng (có lập Hợp đồng cầm cố tài sản) lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến ngày 05/8/2024, thông qua định vị T phát hiện xe ô tô 68A - 170.20 của T đang lưu thông trên địa bàn phường R, nên đến Cơ quan Công an trình báo. Ngày 08/8/2024, 11/10/2024, Giang bị khởi tố, điều tra.

*** Căn cứ Kết luận giám định số 802/KL-KTHS ngày 08/08/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh KG, kết luận:**

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 395821 là giả.

+ Chữ ký mang tên Trần Kiên G và Chữ viết ghi họ tên “Trần Kiên G” trên mẫu cần giám định so với chữ ký mang tên Trần Kiên G và chữ viết ghi họ tên “Trần Kiên G” trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

*** Kết luận giám định số 1031/KL-KTHS ngày 30/09/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh KG, kết luận:**

+ Giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 033437, ghi tên chủ xe: Trần Kiên G; Địa chỉ: 21/20 PNL, TP. Rạch Giá, KG; Nhãn hiệu: HYUNDAI; số loại: ACCENT; Loại xe: ô tô con; Màu sơn: trắng (Biển số đăng ký: 68A - 170.20) cấp ngày 22/7/2020 mẫu cần giám định ký hiệu là giả.

+ “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số DA 4562373; cấp ngày 30/3/2023 là thật.

*** Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện An Minh, kết luận:**

+ 01 (Một) xe ô tô con, nhãn hiệu: HYUNDAI; số loại: ACCENT; Màu sơn trắng; số máy G4LCLF702747; số khung RLUA141BALN038004; Dung

tích xi lanh 1368Cm3. Sản xuất năm 2020. Biển kiểm soát: 68A - 170.20. Tính đến thời điểm định giá, giá trị tài sản còn lại là 402.133.700 đồng (*Bốn trăm lẻ hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng*).

Bị hại Tạ Văn K, Diệp Tấn T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tạ Ngọc Y, Nguyễn Minh D; người làm chứng Lê Minh T trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Hiện, D đã nhận lại xe và G đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho K, T, Y và những người này có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho G.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Kiên G khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

*** Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng:** Thu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 395821 do Nguyễn Huỳnh C đứng tên; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033437, biển số đăng ký 68A - 170.20 do Trần Kiên G đứng tên chủ sở hữu; 01 Hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 28/4/2021; (đã đánh số bút lục đưa vào hồ sơ vụ án). 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 (mật khẩu 874091), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 (mật khẩu 874019) đã qua sử dụng và một số đồ vật, tài liệu có liên quan (đã trả lại cho Trần Kiên G).

Đã trả lại cho Nguyễn Minh D 01 xe xe ô tô con, nhãn hiệu: Hyundai; số loại: Accent; Màu sơn trắng; số máy G4LCLF702747; số khung RLUA141BALN038004; Dung tích xi lanh 1368Cm3. Sản xuất năm 2020. Biển kiểm soát: 68A - 170.20 (đã qua sử dụng).

*** Tại bản Cáo trạng số:** 31/CT-VKSAG-P2 ngày 10/9/2025, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A đã truy tố bị cáo Trần Kiên G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; tội *Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa,** vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội có ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Kiên G. Kiểm sát viên phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt. Căn cứ Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, Viện kiểm sát rút lại một phần quyết định truy tố đối với hành vi của bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Kiên G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Kiên G - mức án từ 8 đến 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Kiên G - mức án từ 4 đến 5 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 12 đến 15 năm tù.

Vật chứng của vụ án đã xử lý xong theo quy định của pháp luật.

Luật sư Chiêm Duy M trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa truy tố về tội danh và chuyển khung hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có nhân thân tốt, bị cáo có cha và gia đình có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt mức án đầu khung hình phạt, thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

Người bị hại trình bày ý kiến: Về khắc phục hậu thiệt hại đã thỏa thuận xong nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra - Công an tỉnh AG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi bị truy tố của bị cáo:

Trần Kiên G đã dùng thủ đoạn gian dối đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cho Tạ Văn K tin tưởng nhận cầm với giá 550.000.000 đồng; Giang còn nói dối với Diệp Tấn T cho thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent,

màu trắng, biển số 68A - 170.20, trị giá 402.133.700 đồng rồi chiếm đoạt, đặt làm giấy đăng ký xe giả mang tên G đem cầm cho Tạ Ngọc Y, 200.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài. Tổng số tiền chiếm đoạt của K, T là 952.133.700 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Kiên G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát rút lại một phần quyết định truy tố đối với hành vi của bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, nhưng giữ nguyên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Xét thấy việc rút lại quyết định truy tố này là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử bị cáo về hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Về hành vi của bị cáo Viện kiểm sát truy tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đủ năng lực để biết được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, làm giả và sử dụng giấy tờ giả nhằm chiếm đoạt tài sản rất lớn của các bị hại; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về kinh tế cho các bị hại. Đồng thời, bị cáo làm giả giấy tờ đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu và các tài liệu, giấy tờ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, thể hiện sự coi thường pháp luật, xem nhẹ tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên

áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Đối với tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát và quan điểm của luật sư, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt liền kề cho bị cáo.

[6] Về quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội danh; tình tiết tăng nặng; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, nên chấp nhận. Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hội đồng xét xử xem xét mức án đầu khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Về các tình tiết giảm nhẹ là có cơ sở. Tuy nhiên luật sư đề nghị xử mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không phù hợp. Về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của luật sư xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận xong về thiệt hại, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Kiên G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Kiên G - 08 (tám) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Kiên G - 03 (ba) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2.2. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 11 (mười một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/8/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận xong về thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Tối cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Tối cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- THA tỉnh AG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (2);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng